TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2023/DS-ST Ngày 17/03/2023 V/v Tranh chấp thừa kế tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Mây và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 17/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 về Tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 06/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị B – sinh năm 1962

Trú tại: Xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Bé: Ông Chu Thanh Nhân - sinh năm 1969, trú tại: Thôn Văn M, xã Kim A, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị G – sinh năm 1972

Trú tại: Xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Cụ Ninh Thị B – sinh năm 1923

Trú tại: Xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Ông Dương Văn T – sinh năm 1963, Trú tại: Xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Bà Bùi Thị L – sinh năm 1955

Trú tại: Thôn Bùng D, xã Tuấn V, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Bà Bùi Thị T – sinh năm 1969

Trú tại: Xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Ông Trần Văn Th2 – sinh năm 1966

Trú tại: Thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

- Bà Trần Thị Th – sinh năm 1957

Trú tại: Xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

+ Anh Bùi Văn H – sinh năm 1977

+ Chị Bùi Thị Ha – sinh năm 1979

Đều trú tại: Xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

+ Chị Bùi Thị Hồ – sinh năm 1983

Trú tại: Thôn Phượng H, xã Cẩm H, huyện Cẩm Gi, tỉnh Hải D.

+ Chị Bùi Thị Ho – sinh năm 1985

Trú tại: Thôn Đông D, xã Đồng L, huyện Nam S, tỉnh Hải D

(Chị Ha, ông T uỷ quyền của bà Trần Thị Th; bà T, bà L, cụ B, ông Th2 uỷ quyền cho bà Bùi Thị G tham gia tố tụng)

(Ông Nh, bà G, bà T có mặt. Bà Th, anh H, chị Ha, chị Hô vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Bùi Thị B trình bày: Bố bà là Bùi Văn Kh (chết ngày 26/01/2004) và mẹ bà là Ninh Thị B – sinh năm 1923, đều có địa chỉ tại thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D. Bố mẹ bà sinh được 06 người con gồm: Ông Bùi Văn H – sinh năm 1955 (ông H chết ngày 02/04/2018 có vợ là bà Trần Thị Th – sinh năm 1957, các con của ông H và Thửa là: Bùi Văn H – sinh năm 1977, Bùi Thị Ha – sinh năm 1979, Bùi Thị Hồ – sinh năm 1983, Bùi Thị Ho – sinh năm 1985), Bùi Thị L – sinh năm 1955, Bùi Văn T - (chết năm 1980 không có vợ, con), Bùi Thị T – sinh năm 1969, Bùi Thị G – sinh năm 1972 và bà.

Trước khi kết hôn với mẹ bà, bố bà có vợ là cụ Hoàng Thị Nh - sinh năm 1910 (chết ngày 26/09/1946). Bố bà và bà Như có 01 người con chung là chị Bùi Thị Th – sinh năm 1938 (bà Th chết năm 2020). Con trai của bà Th là ông Dương Văn T – sinh năm 1963, trú tại: Thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D. Trong thời kì hôn nhân hợp pháp, bố mẹ bà là chủ sử dụng của thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13, diện tích 266m^2, có địa chỉ tại: xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số A 325888 ngày 08/12/1992 và được UBND huyện Kim Thành công nhận GCNQSDĐ được sử dụng hợp pháp ngày 11/09/2002 mang tên bố bà (Bùi Văn Kh). Năm 1980, anh trai bà là Bùi Văn T hy sinh khi đang làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Anh được Thủ tướng Chính phủ trao bằng Tổ quốc ghi công ngày 27/05/1980. Ngày 06/01/2004, bố bà mất không để lại di chúc. Sau khi bố bà mất, gia đình bà chưa làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của bố bà, các anh chị em bà đã nhiều lần họp gia đình để bàn bạc, thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế của bố bà và các bên cũng đã đồng

thuận thoả thuận phân chia, xây dựng tường bao ngăn cách diện tích đất đã phân chia của từng người. Việc phân chia do gia đình chứ chưa ra xã làm thủ tục cũng như chưa được điều chỉnh trên sổ sách của xã. Tuy nhiên về mặt pháp lý để bảo đảm quyền lợi cho những người được sử dụng đất thì có một số người không ký kết văn bản để thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết nên không bao đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người được sử dụng đất. Hiện tại thửa đất trên do mẹ bà là cụ Ninh Thị B và vợ chồng bà Bùi Thị G đang quản lý, sử dụng. Bố bà chết không để lại nghĩa vụ gì với ai. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Thành phân chia di sản thừa kế của bố bà (Bùi Văn Kh) là 1/2 quyền sử dụng diện tích đất 266m^2, thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13; địa chỉ tại: xóm 5, thôn Thiện Đ, xã Kim X, huyện Kim Th, tỉnh Hải D theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng thực tế đất các bên đã tự phân chia và sử dụng như hiện nay, không cần bên nào phải trả chênh lệch cho bên nào.

Bị đơn bà Bùi Thị G trình bày: Về phần lý lịch gia đình và di sản thừa kế thống nhất như nguyên đơn đã trình bày. Ngoài những người con trên thì bố mẹ bà, bà Nhự không còn người con nào khác. Trong thời kì hôn nhân hợp pháp bố mẹ bà là chủ sử dụng của thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13, diện tích 266m^2, có địa chỉ tại: xóm 5, thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ)số A 325888 ngày 08/12/1992 mang tên bố bà (Bùi Văn Khánh). Nguồn gốc đất là của các cụ trước kia để lại. Ngày 06/01/2004, bố bà mất không để lại di chúc. Sau khi bố bà mất, gia đình bà chưa làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của bố bà nhưng mẹ bà và các anh chị em bà đã thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế của bố mẹ bà. Thực tế, gia đình đã có sự đồng thuận phân chia. Cụ thể ½ diện tích 266m2 chia là 7 phần gồm bà, bà Th, ông H, ông T, L, bà T, bà B. Cụ thể ông H đã chết nên chia cho mẹ con bà Th là vợ con của ông H (gồm: H, Ha, Hồ, Ho) được 3 phần gồm phần của ông H, ông T (là liệt sỹ) và phần của bà Th (bà Th chết có con là ông Dương Văn T nhưng ông T cho bà Thửa và các con phần được hưởng của ông T). Còn 4 phần còn lại gồm của bà Luyn, bà Tý, bà Bé và bà đều cho mẹ là Ninh Thị B. Hiện tại mẹ bà Ninh Thị B đang quản lý và sử sụng ½ diện tích đất 266m2 của cụ B và 4 phần mà chị em bà cho cụ. Phần đất chị em đã thoả thuận chia thì bà đã xây tường bao kiên cố xung quanh ngăn với phần đất của mẹ bà. Trên phần đất của mẹ bà có xây nhà cấp 4 do vợ chồng bà xây năm 2019, chồng bà là ông Trần Văn Th2 – sinh năm 1966, cùng địa chỉ với bà. Hiện tại có mẹ bà, vợ chồng con trai bà là Trần Văn T – sinh năm 1991 và vợ Trần Thị L – sinh năm 1991 đang ở trên phần đất của mẹ bà đang quản lý. Vợ chồng bà hiện ở cùng xóm nhưng không ở cùng mẹ bà. Ngoài ra không còn công trình nào khác và cũng không có ai ở trên phần đất mẹ bà đang quản lý. Bà xác

định ngôi nhà xây trên phần đất của mẹ bà đang quản lý là nhà của vợ chồng bà bỏ tiền ra xây, không phải là tài sản của cụ B cũng như không phải của vợ chồng con trai bà. Khi vợ chồng bà xây dựng nhà thì mẹ bà cũng như anh chị em bà không ai có ý kiến gì. Mẹ bà cũng nhất trí để vợ chồng bà xây, mẹ bà cũng không có công sức gì đối với ngôi nhà trên. Ngoài nhà cấp 4 của vợ chồng bà xây trên đất của mẹ bà thì không còn công trình nào của ai khác.

Vợ chồng bà cũng như vợ chồng con trai bà Trần Văn T không có công sức tu tạo gì đối với phần đất trên. Sau khi gia đình họp phân chia thì anh chị em đã xây dựng tường bao ngăn cách gianh giới, tuy nhiên về mặt pháp lý để bảo đảm quyền lợi cho những người được sử dụng đất đã chia theo thoả thuận thì có một số người không ký kết văn bản để thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết nên không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người được sử dụng đất. Hiện tại thửa đất trên do mẹ bà là Ninh Thị B đang quản lý, sử dụng. Bố bà chết không để lại nghĩa vụ gì vụ gì với ai. Chị em bà vẫn thống nhất chia phần đất của bố bà theo thoả thuận đã phân chia trong gia đình và không có ý kiến gì nếu các hàng thừa kế đều thống nhất như vậy thì bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng đã phân chia. Việc phân chia các bà không làm văn bản gì nhưng mẹ bà, chị em bà cùng thống nhất tự đo mốc giới và phân chia theo như hiện trạng bây giờ nên không cần phải trả giá trị tài sản cho bên nào. Đối với quan điểm của bà Tý, bà Luyn và cụ B cho bà phần thừa kế được hưởng từ cụ Khánh và ½ diện tích đất của cụ B cho bà thì bà xin nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Ninh Thị B trình bày: Về lý lịch gia đình thống nhất như bà Bé, bà G đã trình bày. Sau khi chồng cụ là cụ Kh mất thì cụ, các con cụ đã nhiều lần họp gia đình để bàn bạc, thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế. Thực tế gia đình đã có sự đồng thuận phân chia. Cụ thể ½ diện tích 266m2 chia là 7 phần gồm bà G, bà Th, ông H, ông T, L, bà T, bà B. Cụ thể ông H đã chết nên chia cho mẹ con bà Th là vợ con của ông Hanh (gồm: H, Ha, Hô, Ho) được 3 phần gồm phần của ông H, ông T (là liệt sỹ) và phần của bà Thành (bà Th chết có con là ông Dương Văn T), ông T cho bà Th và các con phần được hưởng của ông T. Còn 4 phần còn lại gồm của bà L, bà T, bà B và bà G đều cho cụ. Hiện tại cụ đang quản lý và sử sụng ½ diện tích đất 266m2 của bà B và 4 phần mà các con cụ cho. Phần đất đã thoả thuận chia thì bà Thửa đã xây tường bao kiên cố xung quanh ngăn với phần đất của cụ. Trên phần đất của cụ vợ chồng bà G có xây nhà cấp 4 xây năm 2019. Khi cụ Khánh chết thì chỉ có một mình bà ở, còn các con cụ đều ở chỗ khác. Nhưng đến năm 2019 được sự đồng ý của cụ và các con cụ thì vợ chồng bà G đã xây nhà trên phần đất của cụ và của cụ Khánh và cụ cũng ở luôn cùng vợ chồng bà G. Chỉ vợ chồng bà G nuôi và chăm sóc cụ từ đó cho tới nay. Cụ không có công sức gì đối với phần đất là di sản của ông Kh.

Cụ xác định cụ có ½ giá trị tài sản trong diện tích đất trên. Cụ đã có đơn đề nghị Toà án xác định phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Khánh. Vì các con trong nhà không thống nhất được như đã thoả thuận trước nên cụ đề nghị chia di sản của cụ Khánh theo pháp luật và cụ xin nhận bằng hiện vật là đất nhưng muốn giữ nguyên hiện trạng thực tế đất hiện nay đang sử dụng mà các bên đã tự tự phân chia. Việc phân chia do gia đình tự phân chia chứ chưa ra xã làm thủ tục hay điều chỉnh trên trên sổ sách quản lý đất đai của xã. Vì hiện nay vợ chồng bà G đã xây nhà ở trên phần đất đó và là người trực tiếp chăm sóc nuôi cụ nên cụ tự nguyện cho vợ chồng bà G toàn bộ phần tài sản của cụ là ½ khối tài sản của vợ chồng và phần cụ được hưởng thừa kế từ ông Khánh. Phần di sản cụ được hưởng từ cụ Khánh cụ xin nhận bằng hiện vật là đất và cho toàn bộ bà G và chồng là ông Thửa. Cụ không yêu cầu vợ chồng G, Thửa phải trả giá trị tài sản cho cụ. Hàng năm bà G là người đóng thuế. Việc cho bà G và chồng là Thửa toàn bộ phần diện tích đất của cụ và phần đất cụ được hưởng từ cụ Khánh là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, hiện tại sức khoẻ của cụ hoàn toàn bình thường, minh mẫn. Cụ uỷ quyền cho bà G tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị L trình bày: Lý lịch gia đình thống nhất như nguyên đơn, bị đơn đã khai. Các bà xác định không có công sức tu tạo hay quản lý gì đối với khối di sản của các cụ. Tại thửa đất số 935 tờ bản đồ số 13 diện tích 266m2 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là tài sản chung của bố mẹ bà là cụ Ninh Thị B và cụ Bùi Văn Kha. Trong đó mẹ bà có ½ giá trị trong số tài sản trên, còn lại là ½ giá trị đất là của bố bà. Nay bố bà đã chết thì các bà chỉ đề nghị chia ½ khối di sản trên của bố bà. Ngoài số di sản trên thì bố bà không còn di sản khác để phân chia. Khi bố bà chết thì một mình mẹ bà ở chứ không có con nào ở cùng cụ. Đến năm 2019 thì vợ chồng bà Bùi Thị G ra ở với mẹ bà và vợ chồng bà G đã xây nhà khang trang trên phần đất của các cụ. Thời điểm vợ chồng bà G xây thì chị em bà đều biết và không có ai có ý kiến gì. Vì bà G xây nhà để tiện chăm sóc cho mẹ bà. Nay chị em bà mỗi người một phận và sinh sống ở nơi khác, chỉ còn mỗi vợ chồng bà G ở cùng với mẹ bà nên bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với khối di sản của bố bà theo pháp luật và bà xin nhận bằng hiện vật là đất và chị em bà tự nguyện thống nhất để lại toàn bộ phần di sản bằng hiện vật được hưởng từ bố bà (cụ Kh) cho vợ chồng bà Bùi Thị G và ông Trần Văn Th2. Trước đây các bà đều thống nhất cho cụ B nhưng nay cụ B nhất trí cho vợ chồng bà G thì các bà cũng nhất trí cho vợ chồng bà G phần di sản được hưởng. Việc cho vợ chồng bà G là do các bà hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì. Các bà không yêu cầu vợ chồng bà G phải trả giá trị tài sản cho các bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thửa: Bà là vợ ông Bùi Văn Hanh (ông Hanh chết năm 2018). Sau khi bố chồng bà chết thì anh chị em và cụ B đã tự thoả thuận thống nhất phân chia nên bà đã xây dựng tường bao, 1 phần sân bên tông, 1 phần lán trên phần đất đã tự phân chia. Toà án cũng đã về xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị Toà án công nhận sự thoả thuận đã phân chia này của chị em trong gia đình, giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng. Diện tích đất ở mà gia đình đã tự phân chia cũng giáp với phần đất của gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu các anh chị em và bà B không thống nhất như phương án phân chia thì bà đề nghị giải quyết ½ di sản thừa kế của cụ Khánh theo quy định của pháp luật, đề nghị được nhận bằng hiện vật là đất và phần di sản ông T và các con bà được hưởng cho bà thì bà nhất trí nhận. Còn ½ đất của cụ B và phần cụ B được hưởng từ cụ Khánh thì cụ B cho ai là quyền của cụ. Bà không có công sức gì đối với phần đất của cụ Kh, cụ B. Bà chỉ có làm 1 phần sân, 1 phần lán và làm tường bao gạch chỉ giáp đất của nhà bà G đang ở. Việc phân chia di sản của cụ Khánh thì bà đề nghị được giữ nguyên hiện đất thực tế các bên đã sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T trình bày: Về phần lý lịch gia đình và di sản thừa kế như các đương sự khác đã trình bày ông hoàn toàn nhất trí. Ông là con của bà Th (bà Th là con đẻ của cụ Kh), ông chỉ biết một mình mẹ ông nuôi ông từ nhỏ đến năm 2020 thì chết và không để lại di chúc gì và cũng không để lại nghĩa vụ gì với ai. Ngoài ông ra thì bà Thành không còn người con nuôi con đẻ nào khác và cũng không còn hàng thừa kế nào khác của bà Thành. Khi mẹ ông còn sống bà đã có quan điểm cho phần di sản bà được hưởng từ cụ Kh cho vợ con ông Hanh là bà Thửa và 4 người con của ông Hanh, bà Thửa. Nay bà Bé có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Khánh thì quan điểm của ông là xin nhận bằng hiện vật là đất và cho bà Thửa và các con của bà Thửa. Ông không yêu cầu phải trả giá trị vật chất nào cho ông. Đối với ½ quyền sử dụng đất còn lại thì cụ B cho ai là quyền của cụ. Ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất như các chị em đã tự phân chia. Mẹ ông không có công sức tu tạo gì đối với phần đất của cụ Kh. Ông uỷ quyền cho bà Thửa tham gia tố tụng thay ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn H trình, chị Bùi Thị Ha, chị Bùi Thị Hô, chị Bùi Thị Ho bày: Anh chị là con trai của ông Bùi Văn Hanh. Ông Hanh chết năm 2018. Các anh chị xác định cụ Ninh Thị B và Bùi Văn Kh có diện tích đất tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Cụ Kh đã chết, cụ B còn sống. Nay các cô bác yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Kh để lại là ½ diện tích đất trong thửa đất trên thì xác định sau khi cụ Kh chết thì gia đình đã họp gia đình và phân chia di sản của cụ Khánh để lại như họ đã trình bày tại Toà án. Sau khi thoả

thuận phân chia thì bà Th cũng đã xây tường bao ngăn cách, các bên đã thoả thuận phân chia và đã có tường bao rõ ràng rồi thì các anh chị đề nghị Toà án công nhận sự thoả thuận này của gia đình giữ nguyên hiện trạng đất sử dụng bây giờ. Còn phần đất của cụ Ninh Thị B cho ai là quyền của cụ. Nếu gia đình mà không thống nhất như thoả thuận ban đầu thì đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Phần các anh chị được hưởng từ ông Hanh thì xin nhận bằng hiện vật là đất và cho mẹ là Trần Thị Th. Các anh chị không yêu cầu bà Thửa phải trả giá trị tài sản đã cho. Các anh chị không có công sức tu tạo gì, toàn bộ công trình xây trên đất sau khi gia đình đã tự thoả thuận phân chia là do một mình bà Thửa xây. Chị Ha uỷ quyền cho bà Th, chị Ho, chị Hồ đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt các chị.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do các đương sự đều nhất trí giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như đã tự thoả thuận phân chia, không cần phải trả giá trị di sản được nhận cho nhau. Bà đề nghị Toà án phân chia ½ di sản thừa kế của cụ Kh theo pháp luật nhưng vẫn giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất thực tế hiện nay. Còn phần di sản được hưởng của bà Bé vẫn tự nguyện cho bà G. Việc các đương sự đề nghị trích trả tiền công sức cho cụ B thì nguyên đơn cũng đồng ý.

Bị đơn bà G giữ nguyên quan điểm đã trình bày và nhất trí như quan điểm của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày tại phiên toà. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của cụ B về việc công nhận ½ diện tích đất tại thửa đất số 935 tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là của cụ B, còn ½ diện tích đất còn lại là di sản của cụ Khánh đề nghị chia theo pháp luật nhưng giữ nguyên hiện trạng đất đã phân chia, không bên nào phải trả giá trị tài sản được nhận cho bên nào. Nếu bà được hưởng phần diện tích ít hơn phần được phân chia thì bà cũng không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải trả chênh lệch giá trị di sản được nhận cho bà. Bà T, bà L, cụ B uỷ quyền cho bà tham gia tố tụng và có quan điểm cho vợ chồng bà toàn bộ phần di sản được hưởng từ cụ Khánh và ½ diện tích đất của cụ B thì bà nhất trí nhận. Bà đề nghị giao chung cho vợ chồng bà phần diện tích đất bà được hưởng, được cho và phần tài sản trên đất và đề nghị trích trả một phần nhỏ công sức bằng hiện vật cho cụ B theo quy định.

Bà T giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Toà án và thống nhất với ý kiến của bị đơn về phần di sản của bà được nhận thì bà cho vợ chồng bà G và đề nghị trích trả một phần nhỏ công sức cho cụ B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; Bà Thửa, anh H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự còn vắng mặt tại phiên toà.

Về hướng giải quyết, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 luật đất đai năm 2013, Điều 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bùi Thị B.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Bùi Văn Kh là ngày 26/01/2004. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Khánh bao gồm: Cụ B, bà G, bà Bé, ông T, bà L, bà T, ông Hanh (bà Th, anh H, chị Ha, chị Hồ, chị Ho).

Xác định di sản thừa kế của cụ Kh là 141,25m2 diện tích đất ở có giá trị = 423.750.000đ tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chia cho 7 kỷ phần gồm: Bà G, bà Bé, ông T, bà Luyn, bà Tý, ông Hanh (bà Thửa, anh H, chị Ha, chị Hồ, chị Ho), mỗi kỷ phần được hưởng 60.000.000đ, cụ B được chia 63.750.000đ (trong đó có 60.000.000đ giá trị di sản thừa kế của cụ Kh và 3.750.000đ tiền công sức quản lý, trông coi di sản)

Chấp nhận sự tự nguyện của ông T, anh H, chị Ho, chị Ha, chị Hồ cho phần di sản được hưởng là diện tích đất ở cho bà Thửa. Chấp nhận sự tự nguyện của bà T, bà L, bà B, cụ B cho phần di sản được hưởng là diện tích đất ở cho bà G, ông Th2

Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ B: Công nhận ½ (141,25m2) diện tích đất ở trong tổng diện tích đất ở 282,5m2 là tài sản của cụ B. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ B giao toàn bộ diện tích đất 141,25m2 của cụ B cho bà G, ông Thửa quản lý, sử dụng thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Giao cho bà Th được quản lý và sử dụng diện tích 54.3m2 đất ở; giao cho bà G, ông Thửa được quản lý, sử dụng diện tích 228,2m2 đất ở tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Giao cho bà G, ông Th2 được tiếp tục quản lý, sử dụng: 01 Nhà chính, nhà vệ sinh mái bằng 1 tầng, sân lát gạch, mái tôn lạnh, 02 trụ cổng xây gạch, 02 cánh cổng inox, Tường xây 26,08m, cao 1,5m, Tường khuôn viên gạch chỉ.

Giao cho bà Th được tiếp tục quản lý, sử dụng: 01 đoạn tường do xây năm 2021 cao 1,9m, dài 18,5m, 01 Trụ cổng, 01 cánh cổng inox, 01 sân trạt bê tông 42 x 0,1, Phần lán tôn = 12,4m.

Xác định không ai phải trả giá trị chênh lệch phần di sản được nhận cho ai.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của bà B chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Bà Th, bà L, cụ B, bà B thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định đối với phần di sản được hưởng của các bà. Chấp nhận sự tự nguyện của bà B chịu phần án phí của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*...Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Cụ Bùi Văn Kh chết ngày 26/01/2004. Ngày 09/01/2022 bà Bùi Thị B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ Kh để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Kim Thành. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị B vắng mặt nhưng đã uỷ quyền cho ông Chu Thanh Nh; Bà L, cụ B, ông Th2 vắng mặt nhưng đã uỷ quyền cho bà G; Ông T, chị Hà vắng mặt nhưng đã uỷ quyền cho bà Thửa. Chị Hồng, chị Hoa vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập hợp lệ cho bà Trần Thị Thửa, anh Bùi Văn H nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, anh H là phù hợp pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, thu thập xác minh tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Cụ Bùi Văn Kh và cụ Ninh Thị B kết hôn và chung sống với nhau và có 06 người con gồm: Ông Bùi Văn H – (ông H chết ngày 02/04/2018 có vợ là bà Trần Thị Th, Các con của ông H và Th là: Bùi Văn

H, Bùi Thị Ha, Bùi Thị Hồ, Bùi Thị Ho, Bùi Thị L, Bùi Văn T - Liệt sỹ (Không có vợ, con), Bùi Thị T, Bùi Thị G và bà Bùi Thị B. Trước khi kết hôn với cụ B thì cụ Khánh có kết hôn với cụ Hoàng Thị Nh - sinh năm 1910 (chết ngày 26/09/1946) và có 01 người con chung là bà Bùi Thị Th – sinh năm 1938 (bà Th chết năm 2020). Con trai của bà Th là ông Dương Văn T. Ngoài những người trên thì cụ Khánh và cụ B không có người con riêng, con nuôi nào khác và không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào với ai. Cha mẹ ruột các cụ đã chết. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Kh, gồm: Cụ B, bà L, bà T, bà G, bà B, ông H (Do ông H chết năm 2018 nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H là bà Th, anh H, chị Ha, chị Hồ, chị H), bà Th (Do bà Th chết năm 2020 nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Th là ông Dương Văn T). Những người trên không thuộc trường hợp bị truất quyền thừa kế, do vậy đều được thừa kế phần di sản của cụ Kh. Đối với ông Bùi Văn T chết năm 1980 (chết trước cụ Kh), ông T không có vợ con nên không có hàng thừa kế thế vị của ông T.

[4] Về nguồn gốc di sản: Căn cứ vào các tài liệu do UBND xã Kim Xuyên cung cấp: Diện tích đất 266m2 là đất ở tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện Kim Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 325888 cấp ngày 08/12/1992 mang tên ông Bùi Văn Kh. Nguồn gốc đất là của ông cha các cụ để lại và xác định là tài sản chung của cụ Kh và cụ B. Diện tích đất trên không bị trừ đất 03 của ai vào vườn. Do cụ Kh chết năm 2004 nên xác định ½ diện tích đất tại thửa đất trên là di sản thừa kế của cụ Kh. Ngoài di sản trên thì cụ Khánh không còn di sản nào khác để phân chia, các đương sự đều không yêu cầu yêu cầu chia di sản nào khác. Cụ Kh chết không để lại nghĩa vụ gì với ai và không để lại di chúc, đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật nên xác định ½ diện tích đất tại bản đồ số 13, thửa đất số 935 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là di sản thừa kế và phân chia theo pháp luật. Hiện trạng đất như hiện nay là do gia đình tự phân chia với nhau chứ chưa ra xã làm thủ tục cũng như chưa được điều chỉnh lại trên sổ sách quản lý đất đai ở xã. Diện tích đất của gia đình bà Th giáp với phần đất của cụ Kh và cụ B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th.

[5] Theo kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định: *Quyền sử dụng đất*: 282,5 m2 tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có giá 3.000.000 (ba triệu) đồng/1m2. Tổng = 282,5m2 x 3.000.000đ = 847.500.000 (*Tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) đồng. *Các tài sản trên đất:* Nhà chính diện tích 90,9m2 = 481.124.610đ, nhà vệ sinh mái bằng 1 tầng = 34.812.720đ, sân lát gạch

71,5m2 = 20.140.391đ, mái tôn lạnh = 16.914.397đ, 02 trụ cổng xây gạch = 2.149.882đ, 02 cánh cổng inox = 26.550.000đ, Tường xây 26,08m, cao 1,5m = 10.945.062đ, 01 đoạn tường do bà Thửa xây năm 2021 = 17.701.791đ, 01 Trụ cổng = 3.325.150đ, 01 cánh cổng inox = 6.480.00đ, 01 sân trạt bê tông do bà Thửa làm = 5.586.446đ, Phần lán tôn bên bà Thửa làm = 2.159.794đ, Tường khuôn viên gạch chỉ (nhà bà G) = 399.454đ.

6] Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất trên là 266m2 đất ở nhưng đo hiện trạng thực tế diện tích đất là 282,5m2, tăng 16,5m2. Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã xác định lý do của việc tăng số diện tích theo hiện trạng sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do công tác đo đạc trước đó. Từ trước đến nay diện tích đất trên không có tranh chấp và không lấn chiếm đất của ai cũng như không lấn chiếm đất của Nhà nước. Toàn bộ diện tích đất trên xác định là đất ở. Các đương sự xác định và đề nghị chia diện tích đất trên theo số đo hiện trạng đã đo vẽ. Do vậy xác định ½ diện tích đất ở trong tổng số 282,5m2 đấtt ở là di sản thừa kế của cụ Kh để lại và phân chia theo pháp luật.

7] Trong tổng số các tài sản trên đất thì các đương sự đều xác định: Nhà chính, nhà vệ sinh mái bằng 1 tầng, sân lát gạch, mái tôn lạnh, 02 trụ cổng xây gạch, 02 cánh cổng inox, Tường xây 26,08m, cao 1,5m, Tường khuôn viên gạch chỉ (nhà bà G) là tài sản của vợ chồng bà G, ông Thửa làm, còn đoạn tường do xây năm 2021 cao 1,9m, dài 18,5m, 01 Trụ cổng, 01 cánh cổng inox, 01 sân trạt bê tông 42 x 0,1, Phần lán tôn bên bà Th làm = 12,4m là tài sản của bà Th làm. Do vậy xác định toàn bộ các tài sản trên đất không phải là di sản thừa kế của cụ Kh.

8] Xác định di sản thừa kế của cụ Kh là ½ (141,25m2) diện tích đất trong tổng số 282,5m2 có giá trị 423.750.000đ tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chia đều có 7 kỷ phần của cụ Khánh gồm: Cụ B, bà L, bà B, bà T, bà G, ông H (do ông H chết nên bà Th, anh H, chị Ha, chị Ho, chị Hồ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H), bà Thành (do bà Tha chết nên ông T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Thành). Các đương sự đều xác định không có công sức tu tạo gì đối với phần di sản của cụ Kh và đều không yêu cầu giải quyết về công sức quản lý, tu tạo đất, tuy nhiên tại phiên toà các đương sự đều đề nghị xem xét trích trả một phần công sức trông coi quản lý di sản cho cụ B. Xét thấy sau khi cụ Kh chết thì cụ B là người tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất trên nên sẽ chia cho cụ B nhiều hơn các kỷ phần khác, cụ thể chia đất cho cụ B giá trị di sản thừa kế = 63.750.000 đ (trong đó 60.000.000đ giá trị di sản thừa kế và 3.750.000đ di sản trông coi, quản lý) , bà Luyn, bà Tý, bà Bé, bà G, ông T, ông H (bà Th, anh H, chị

Ho, chị Hồ, chị Ha) mỗi kỷ phần được = 60.000.000đ. Do ông T, anh H, chị Hoa, chị Ha, chị Hồ đều tự nguyện cho phần di sản được hưởng cho bà Th; bà T, bà L, bà B, cụ B đều tự nguyện cho bà G phần di sản được hưởng nên xét thấy việc các đương sự cho nhau phần di sản được hưởng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

[9] Đối với ½ (141,25m2) diện tích đất ở còn lại tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, HĐXX xác định cụ Khánh và cụ B kết hôn và chung sống với nhau tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên từ năm 1955 cho đến nay, diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992. Các thừa kế của cụ Kh cũng xác định di sản của cụ Khánh chỉ có ½ diện tích đất trên. Do vậy tài sản trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Kh và cụ B nên xác định là tài sản chung của hai cụ, cụ thể mỗi người sẽ được hưởng ½ diện tích đất trên theo quy định tại Điều 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959. Thời điểm cụ Kh còn sống thì giữa cụ Khánh và cụ B không có sự thoả thuận phân chia tài sản chung, diện tích đất trên từ trước đến nay cũng chưa chuyển nhượng hay tặng cho cho ai nên xác định 141,25m2 đất còn lại là tài sản của cụ B. Nay cụ B đề nghị Toà án công nhận ½ diện tích đất trên là của cụ B là có căn cứ cần được chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án cụ B có quan điểm tặng cho bà G, ông Th2 ½ diện tích đất trên. Việc cụ B cho bà G, ông Thửa diện tích đất trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hơn nữa bà G xây nhà trên đất mục đích để cho cụ B ở và từ trước đến nay vợ chồng bà G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cụ B nên chấp nhận sự tự nguyện này của cụ B giao toàn bộ diện tích 141,25m2 đất ở = 423.750.000đ của cụ B cho bà G, ông Th2 được quản lý, sử dụng.

[10] Xét hình thể kích thước diện tích đất không thể phân chia bằng hiện vật cho tất cả các kỷ phần thừa kế, hơn nữa ông T, chị Hồ, chị Ha, anh H đều tự nguyện cho bà Th phần di sản được hưởng. Bà L, bà T, bà B, cụ B cho vợ chồng ông Th2 phần di sản được nhận và không yêu cầu trả giá trị di sản thừa kế cho nhau nên chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất cho bà Th và cho vợ chồng bà G là đảm bảo theo quy định của pháp luật và đảm quyền theo nguyện vọng, quyền lợi của các đương sự.

Tuy nhiên các đồng thừa kế đều có nguyện vọng được công nhận và giữ nguyên hiện trạng sử dụng như hiện tại. Xét hiện trạng đất thực tế đất bà Th đang sử dụng là 54,3m2 = 162.900.000đ, hiện trạng đất mà G, ông Thửa đang quản lý, sử dụng là 86,95m2 = 260.850.000đ. Bà Th đang sử dụng diện tích đất lớn hơn phần diện tích đất bà Thửa được phân chia là 14,3m2, tuy nhiên các đồng thừa kế khác đều không yêu cầu bà Thửa phải trả giá trị chênh lệch phần di sản được nhận

nên giao cho bà Thửa được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở là 54,3m2, giao cho vợ chồng bà G được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở là 228,2m2. Bà Th không phải trả chênh lệch giá trị di sản được nhận cho các đồng thừa kế khác.

[11] Tuy phần diện tích đất của bà Th được giao có diện tích, kích thước không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tuy nhiên diện tích đất bà Thửa được giao giáp với toàn bộ phần đất của gia đình bà Thửa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất phân chia đúng như hiện trạng đất các bên đã tự thoả thuận phân chia với nhau từ trước, các bên đều đề nghị Toà án công nhận và giữ nguyên hiện trạng đất đã phân chia, hơn nữa phần đất bà Thửa được giao giáp với công trình kiên cố là nhà ở chính của vợ chồng bà G nên không thể giao cho bà Thửa diện tích đất đúng hạn mức để tách thửa theo quy định vì như thế sẽ ảnh hưởng đến công trình nhà ở kiên cố của vợ chồng bà G nên việc giao diện tích đất trên cho bà Thửa vẫn đảm bảo theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Bà Th có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sát nhập phần đất được phân chia với phần đất của gia đình bà Thửa để được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[12] Đối với phần đất bà G, ông Th2 được giao có các tài sản: Nhà chính, nhà vệ sinh mái bằng 1 tầng, sân lát gạch, mái tôn lạnh, 02 trụ cổng xây gạch, 02 cánh cổng inox, Tường xây 26,08m, cao 1,5m, Tường khuôn viên gạch chỉ (nhà bà G) là do bà G, ông Th2 làm nên giao nhà, công trình, tài sản trên cho bà G, ông Th2 được quản lý, sử dụng.

Đối với phần đất bà Th được giao có các tài sản: 01 đoạn tường do xây năm 2021 cao 1,9m, dài 18,5m, 01 Trụ cổng, 01 cánh cổng inox, 01 sân trạt bê tông 42 x 0,1, Phần lán tôn bên bà Thửa làm = 12,4m là do bà Th làm nên giao toàn bộ các công trình, tài sản này cho bà Th quản lý, sử dụng.

[13] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Bà Th, bà L, cụ B, bà B thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định đối với phần di sản được hưởng của các bà. Bà G tự nguyện chịu cả phần án phí của bà T nên cần chấp nhận.

[14] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và bà đã nộp xong, nên chấp nhận sự tự nguyện của bà B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 luật đất đai năm 2013, Điều 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bùi Thị B.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Bùi Văn Kh là ngày 26/01/2004.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Kh bao gồm: Cụ B, bà G, bà Bé, ông T, bà L, bà T, ông H (bà Th, anh H, chị Ha, chị Hồ, chị Ho).

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Kh là 141,25m2 diện tích đất ở có giá trị = 423.750.000đ tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chia cho 7 kỷ phần gồm: Bà G, bà B, ông T, bà L, bà T, ông H (bà Th, anh H, chị Ha, chị Hồ, chị Ho), mỗi kỷ phần được hưởng 60.000.000đ, cụ B được chia 63.750.000đ (trong đó có 60.000.000đ giá trị di sản thừa kế của cụ Khánh và 3.750.000đ tiền công sức quản lý, trông coi di sản)

5. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T, anh H, chị Ho, chị Ha, chị Hồ cho phần di sản được hưởng là diện tích đất ở cho bà Thửa. Chấp nhận sự tự nguyện của bà T, bà L, bà B, cụ B cho phần di sản được hưởng là diện tích đất ở cho bà G, ông Trần Văn Th2

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ B: Công nhận ½ (141,25m2) diện tích đất ở trong tổng diện tích đất ở 282,5m2 là tài sản của cụ B. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ B giao toàn bộ diện tích đất 141,25m2 của cụ B cho bà G, ông Thửa quản lý, sử dụng thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

7. Chia bằng hiện vật là diện tích đất ở cụ thể:

Giao cho bà Th được quản lý và sử dụng diện tích 54.3m2 đất ở từ các điểm B1,A7,B3,B2,B1; giao cho bà G, ông Th2 được quản lý, sử dụng diện tích 228,2m2 đất ở từ các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,B1,B2,B4,B5,A1 tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 13 tại thôn Thiện Đáp, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Giao cho bà G, ông Th2 được tiếp tục quản lý, sử dụng: 01 Nhà chính, nhà vệ sinh mái bằng 1 tầng, sân lát gạch, mái tôn lạnh, 02 trụ cổng xây gạch, 02 cánh cổng inox, Tường xây 26,08m, cao 1,5m, Tường khuôn viên gạch chỉ.

Giao cho bà Th được tiếp tục quản lý, sử dụng: 01 đoạn tường do xây năm 2021 cao 1,9m, dài 18,5m, 01 Trụ cổng, 01 cánh cổng inox, 01 sân trạt bê tông 42 x 0,1, Phần lán tôn = 12,4m.

8. Xác định không ai phải trả giá trị chênh lệch phần di sản được nhận cho ai.

Việc chia đất có sơ đồ kèm theo. Đối với cây trồng nằm trên đường ranh giới chia đất thì phá bỏ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Quyết định của bản án bà G, ông Trần Văn Th2 được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế là diện tích đất được phân chia theo quy định của pháp luật. Đối với bà Th có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được phân chia.

9. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của bà B chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Xác định bà B đã nộp đủ.

10. Về án phí: Ông T phải chịu 3.000.000 đồng, chị Hoa, chị Hồng, chị Hà, anh Hùng mỗi người phải chịu 750.000 đồng, bà G và ông Trần Văn Th cùng có nghĩa vụ phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ B, bà L, bà B, bà Th.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh